

Số:83/KH-MGHS

Phường 7, ngày 9 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện quy chế công khai
theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017
Năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT- BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”;

Trường Mẫu giáo Hoa Sen xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế công khai năm học 2024-2025 như sau:

I. Mục đích yêu cầu

- Thực hiện công khai cam kết của đơn vị về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để phụ huynh, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các thành viên trong trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Việc thực hiện công khai đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế thực hiện công khai.

- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nguyên tắc thực hiện công khai

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định tại TT 36/2017/TT-BGDĐT:

- Công khai vào đầu năm học, cuối năm học khi có thay đổi thông tin.
- Thông tin công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.
- Công khai niêm yết trên bảng tuyên truyền của trường và tại văn phòng, trên trang thông tin điện tử của trường.

III. Các nội dung thực hiện công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ đơn vị (theo biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật

học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (theo biểu mẫu 02).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Cơ sở vật chất: Diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (theo biểu mẫu 03 - trong phụ lục của quy chế).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo biểu mẫu 04 - trong phụ lục của quy chế). Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

a) Tình hình tài chính của đơn vị

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học

c) Các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Thực hiện miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

IV. Hình thức và thời điểm công khai

1. Công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, công khai trước toàn thể phụ huynh; các biểu mẫu công khai được niêm yết ở văn phòng trường, bảng tin của trường để thuận tiện cho mọi người theo dõi.

2. Thời điểm công khai: Công khai vào đầu năm học, và các thời điểm khi có sự thay đổi về các số liệu trong các biểu mẫu công khai.

V. Phân công nhiệm vụ các thành viên tham gia điều tra cung cấp số liệu, thông tin

1. Bà Mai Thị Xuân Thắm - Hiệu trưởng - Tổ trưởng: Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT đến tất cả toàn Hội đồng sư phạm nhà trường và cha mẹ học sinh.

2. Bà Chu Thị Anh Thư - Chủ tịch Công đoàn - Tổ phó: Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc các hoạt động công khai của

đơn vị. Cùng với hiệu trưởng chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, của đơn vị, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số: 1, 2, 3, tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Liễu – Phó hiệu trưởng- Thành viên: Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông báo trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân công lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 và 2025; Kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trường ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.

4. Bà Huỳnh Ngọc Minh - TTCM - Thư ký: Tổng hợp thông tin báo cáo, các biểu mẫu kê khai, nhập dữ liệu trên máy vào các biểu mẫu báo cáo, ghi chép biên bản các cuộc họp Ban chỉ đạo và Hội đồng sư phạm, giúp Trường ban hoàn thành kế hoạch thực hiện Quy chế công khai.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kế toán - Thành viên: Quyết toán thu - chi theo quy định, lưu giữ chứng từ tài chính khoa học để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi được yêu cầu.

VI. Tổ chức thực hiện

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai theo quy định.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai tại đơn vị.

Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế công khai của trường Mẫu giáo Hoa Sen đề nghị các thành viên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- CB-GV-NV trường;
- Lưu: VT



Số: 87/QĐ-MGHS

Phường 7, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM GIÁO HOA SEN

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng được nêu ở Điều 10 của Điều lệ trường mầm non;

Xét khả năng của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay Quyết định thành lập Tổ công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 năm học 2024-2025 gồm các Bà có tên sau:

1. Mai Thị Xuân Thắm	Hiệu trưởng	Tổ trưởng
2. Chu Thị Anh Thư	CTCD	Tổ phó
3. Nguyễn Thị Ngọc Liễu	P. Hiệu trưởng	Thành viên
4. Huỳnh Ngọc Minh	TTCM	Thành viên
5. Nguyễn Thị Ngọc Liên	Kế toán	Thành viên

Điều 2. Tổ công khai có nhiệm vụ thực hiện tốt việc công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 3. Các Bà có tên trong điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



Mai Thị Xuân Thắm

UBND THÀNH PHỐ TÂN AN
TRƯỜNG MG HOA SEN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	0	98%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	0	100%
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	0	96%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	0	100%

Pường 7, ngày 23 tháng 9 năm 2024



Mai Thị Xuân Thắm

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
của Trường Mẫu giáo Hoa Sen
Năm học: 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo		
			3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	110	31	37	42
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	110	31	37	42
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	110	31	37	42
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	110	31	37	42
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	110	31	37	42
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em				
1	Số trẻ cân nặng bình thường	110	31	37	42
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	110	31	37	42
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục				
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				

2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	110	31	37	42
---	--------------------------------	-----	----	----	----

Phường 7, ngày 23 tháng 9 năm 2024



Mai Thị Xuân Thắm

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mẫu giáo Hoa Sen
Năm học: 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	4	3,79 m ² /trẻ
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	4	3,79 m ² /trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	4.281,9	4.281,9 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	3.861,9	37.13 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	112	3.73m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	0 m ²
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	20	0.67m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	30	1 m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	110	3.67m ²
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	110	3.67m ²
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	50	0,48 m2
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	1 bộ/lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	4	1 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	1	1 bộ/sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang	4 bộ (máy	1 máy/ 1lớp

	được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	vi tính, tivi)	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		1 cái/ 1lớp
1	Ti vi	4	1 cái/ 1lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	3	Sử dụng chung
3	Máy photo	1	Sử dụng chung

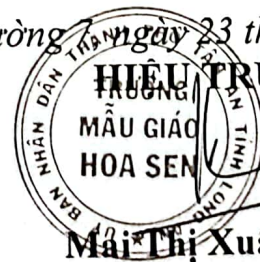
(*Theo văn bản hợp nhất số số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10		20		0.67
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		

dục và Đào tạo về Quyết định ban hành Điều lệ trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Phường ngày 23 tháng 9 năm 2024



Mai Thị Xuân Thắm

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của Trường Mẫu giáo Hoa Sen

Năm học: 2024-2025

ST T	Nội dung	Tổ ng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th S	Đ H	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	14			10	0	0	4	0	7	3	7	3	0	0
I	Giáo viên	7	0	0	7	0	0	0	0	7	3	5	2	0	0
1	Nhà trẻ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Mẫu giáo	7	0	0	7	0	0	0	0	7	3	5	2	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
III	Nhân viên	5	0	0	1	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên khác	4	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0

Phường 7, ngày 23 tháng 9 năm 2024



Maí Thị Xuân Thắm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách Quý II năm 2024
của Trường Mẫu giáo Hoa Sen

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẪU GIÁO HOA SEN

Căn cứ Quyết định số 3654/QĐ-UBND ngày 22/07/2016 của UBND thành phố Tân An về việc thành lập Trường Mẫu giáo Hoa Sen;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-PGDĐT ngày 19/01/2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Tân An về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho các trường trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Tân An

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý II năm 2024 của Trường Mẫu giáo Hoa Sen (theo các biểu đính kèm);

Điều 2: Giao bộ phận Kế toán phối hợp với các bộ phận chuyên môn triển khai thực hiện việc công khai số liệu quyết toán ngân sách quý II năm 2024 theo quy định;

Điều 3: Tổ chức công đoàn trường, kế toán đơn vị và các cá nhân có liên quan thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Phòng GD và ĐT TP.TA (b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Minh Thị Xuân Thắm

Điều số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: TRƯỜNG MG HOA SEN
 Chương: 622

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 49/QĐ- MGHS ngày 01/07/2024 của trường MG Hoa Sen)

(Đồng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT		Dự toán được giao
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	66
1	Số thu phí, lệ phí	66
1.1	Học phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	100
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	100
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	360
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	

Số TT		Dự toán được duyệt
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	



Mai Thị Xuân Thắm

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 50/QĐ-MGHS ngày 01/07/2024 của trường MG Hoa Sen)

(Đồng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Nội dung	Số hiệu báo cáo quyết toán	Số hiệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
			Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
Quyết toán thu					
Tổng số thu					
Số thu phí, lệ phí	66	66			
Lệ phí	66	66			
Lệ phí A					
Lệ phí B					
.....					
Phí					
Phí A					
Phí B					
.....					
Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
Thu sự nghiệp khác					
Chi từ nguồn thu được để lại	103	103			
Chi từ nguồn thu phí được để lại	103	103			
Chi sự nghiệp.....					
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
Chi quản lý hành chính					
Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
Hoạt động sự nghiệp khác					
Số thu nộp NSNN					
Số phí, lệ phí nộp NSNN					
Học phí	66	66			
Lệ phí A					
Lệ phí B					
.....					
Phí					
Phí A					
Phí B					
.....					
Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
Hoạt động sự nghiệp khác					
Quyết toán chi ngân sách nhà nước	364	364			
Chi quản lý hành chính					
Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					

Số T T	Nội dung	nhị tựa bản cáo quyết toán	nhị tựa quyết toán được duyệt	Quy lương	Tổng số lưu sử, tra chữa	Tổng lập các quý
2	Nhiệm vụ khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức					
2.2	năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					



Ngày 01 tháng 07 năm 2024
Thức trưởng đơn vị

Mai Thị Xuân Thắm